

Số: /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc phê duyệt vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định vị trí việc làm công chức;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BKHHCN ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Giám đốc Sở Nội vụ.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt vị trí việc làm của Sở Khoa học và Công nghệ, cụ thể như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm gồm 78 vị trí, cụ thể:

a) Khối Văn phòng Sở (Văn phòng và các phòng chuyên môn)

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 06 vị trí.

- Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ: 48 vị trí.

- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

b) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

- Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 02 vị trí.
- Vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ: 16 vị trí.
- Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí.

2. Thống nhất phê duyệt 73 bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí việc làm theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ kèm theo Đề án số 1197/ĐA-SKH-CN ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Sở Khoa học và Công nghệ

3. Tỷ lệ công chức bố trí theo từng vị trí việc làm, cụ thể:

a) Khối Văn phòng Sở (Văn phòng và các phòng chuyên môn)

- Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương

+ Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là người đứng đầu Sở Khoa học và Công nghệ: 01/01 công chức, chiếm tỷ lệ 100%, (chiếm tỷ lệ 0,84% trên tổng số biên chế được giao chính thức).

+ Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý là cấp phó người đứng đầu Sở Khoa học và Công nghệ: 03 công chức, bố trí theo hiện trạng là 03/07 công chức, chiếm tỷ lệ 42,86%, (chiếm tỷ lệ 2,52% trên tổng số biên chế được giao chính thức); bố trí theo số lượng quy định là 03/06<sup>1</sup> công chức (chiếm tỷ lệ 50%).

- Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương

Công chức xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương: 59/119 công chức, chiếm tỷ lệ 49,58% (bao gồm các vị trí việc làm: Phó Giám đốc Sở, Chánh Văn phòng, Trưởng phòng, Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng, Chuyên viên chính và tương đương về chuyên môn, nghiệp vụ).

- Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên và tương đương: 56/119 công chức, chiếm tỷ lệ 47,06%.

b) Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

- Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên chính và tương đương: 07/15 công chức, chiếm tỷ lệ 46,67% (bao gồm các vị trí việc làm: Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng, Chuyên viên chính và tương đương về chuyên môn, nghiệp vụ).

- Tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm xếp ngạch chuyên viên và tương đương: 08/15 công chức, chiếm tỷ lệ 53,33%.

*(Chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm)*

<sup>1</sup> Số lượng cấp phó Sở Khoa học và Công nghệ được quy định tại Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố là 06 (số tối đa sau thời gian 05 năm, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### 1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện việc bố trí công chức thuộc phạm vi quản lý vào vị trí việc làm theo đúng tỷ lệ được phê duyệt theo Quyết định này.

b) Trong quá trình thực hiện, khi cấp có thẩm quyền ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm; thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm từng ngành, lĩnh vực, phạm vi đối tượng phục vụ, quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc, mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, yêu cầu cơ cấu lại, sắp xếp đội ngũ công chức, biên chế công chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc do tổ chức lại, Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời phối hợp Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm bảo đảm phù hợp quy định.

### 2. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các quy định về vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, sử dụng biên chế công chức của Sở Khoa học và Công nghệ theo đúng quy định và lộ trình tinh giản biên chế.

b) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm theo quy định.

## **Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- CT, các PCT UBND TP;
- Như Điều 3;
- VP UBND TP (2,3E);
- Lưu: VT, KM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Trương Cảnh Tuyên**